TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Số 143/2024/QĐST-DS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Huyện K, ngày 16 tháng 09 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 09 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 24/2024/TLST-DS ngày 28/02/2024, về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1962;

Nơi cư trú: Số A1, ngõ A2 A3, thị trấn A4, huyện K, thành phố Hà Nội.

Bị đơn:

Bà Trần Thị A5, sinh năm 1943;

Nơi cư trú: Số A6, ngõ A2 A3, thị trấn A4, huyện K, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1968 (là vợ ông A);
2. Anh Nguyễn Viết C, sinh năm 1993 (con ông A và bà B);
3. Chị Nguyễn Khánh D, sinh năm 1994 (là vợ anh C);

4. Cháu Nguyễn Viết Minh E, sinh năm 2019 (con của anh C và chị D);

Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Viết Minh E là anh Nguyễn Viết C và chị Nguyễn Khánh D.

Cùng trú tại: Số A1, ngõ A2 A3, thị trấn A4, huyện K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị B anh Nguyễn Viết C và chị Nguyễn Khánh D là:

Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1962;

Theo văn bản ủy quyền ngày 22/03/2024 và ngày 16/07/2024.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Phần diện tích đất có tranh chấp nằm giữa gia đình ông Nguyễn Văn A và bà Trần Thị A5 nằm giữa thửa đất số 56, địa chỉ: Số A6, ngõ A2 A3, thị trấn A4, huyện K, thành phố Hà Nội và thửa đất số 57, tờ bản đồ số 18, địa chỉ: Tổ 10, Khối Vân, thị trấn A4, huyện K, thành phố Hà Nội có diện tích 2,81m^2, với số đo các cạnh là: Cạnh phía Tây (giáp mặt ngõ A2 Hà Huy Tập), tính từ mép tường nhà ông A sang phần đất có tranh chấp là 13cm; cạnh phía Đông, tính từ mép tường hậu nhà ông A sang phần đất có tranh chấp là 20cm; nối hai điểm Tây Đông kéo dài từ mặt ngõ A2 vào trong thửa đất là 18,67m thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của gia đình ông Nguyễn Văn A theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10119050661, hồ sơ gốc số 41096.2001 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 26/11/2001 cho ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị B (có sơ đồ kèm theo bản án/quyết định).

2.2. Trên phần diện tích đất có tranh chấp hiện nay có các công trình sau của gia đình bà A5: Phần móng cũ của hố xí (nay là bể phốt của gia đình bà A5) và tường có chiều dài 1,8m; 01 cột trụ cổng hàn bằng sắt, mái lợp tôn làm năm 2022; phần mái lợp tôn phía trước công trình phụ làm năm 2022 và lối đi lát gạch đỏ làm năm 2022.

2.3. Bà Trần Thị A5 phải có trách nhiệm tháo dỡ, phá dỡ công trình xây dựng, vật kiến trúc nằm trên phần diện tích đất có tranh chấp để trả lại cho gia đình ông Nguyễn Văn A. Tuy nhiên, để duy trì tình cảm bà con hàng xóm láng giềng, ông Nguyễn Văn A và bà Trần Thị A5 cam đoan giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất như hiện nay cho đến khi ông A có yêu cầu hoặc một trong các bên tiến hành sửa chữa, cải tạo nhà ở. Trường hợp gia ông Nguyễn Văn A có yêu cầu thì gia đình ông A có trách nhiệm phải làm lại phần móng và tường của công trình phụ đã phá dỡ cho gia đình bà A5.

3. Về án phí sơ thẩm: Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với ông Nguyễn Văn A và bà Trần Thị A5.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Như Trọng